

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 05/2025/HC-ST

Ngày: 29 - 4 - 2025

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Tuyền

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tống Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Yên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 42/2024/TLST-HC ngày 16 tháng 5 năm 2024 và số 43/2024/TLST-HC ngày 16 tháng 5 năm 2024, Quyết định số 10/2025/QĐ-CA ngày 18/4/2025, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HC ngày 21/4/2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1 Ông Đoàn Quang T, sinh năm: 1977. *Có mặt.*

1.2 Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1975. *Có mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đoàn Thanh S, sinh năm: 1972. Theo văn bản ủy quyền cùng lập ngày 09/10/2024. *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố D, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2.2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ trụ sở: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q – Chi nhánh huyện B.

Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ trụ sở: thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2 Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ trụ sở: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3.3 Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1939; *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

3.4 Ông Đoàn Thanh S, sinh năm: 1972; *Có mặt.*

3.5 Bà Đoàn Thị Thu H, sinh năm: 1975; *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3.6 Ông Đoàn Ngọc D1, sinh năm: 1979. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: 5 B, tổ H, khu phố E, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà ông Đoàn Thanh S là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D cùng khởi kiện Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của Chủ tịch UBND xã B về việc giải quyết nội dung khiếu nại của ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D và Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Quang T và Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Nguyễn Thị Diệu .

Bởi lẽ, qua thời gian thụ lý, xác minh cũng như tổ chức buổi đối thoại và giải quyết khiếu nại với ông, bà thì nhận thấy hành vi của UBND xã B và Chủ tịch UBND xã B, Chủ tịch UBND huyện B đã vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về thủ tục giải quyết khiếu nại, vi phạm thủ tục hành chính trong thực thi công vụ và trình tự thủ tục giải quyết để cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể như sau:

Đối với ông Đoàn Quang T: Ông là người có quyền sử dụng đất hợp pháp, được quyền công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 955, tờ bản đồ số 13, xã B. Gia đình ông đã sinh sống, cải tạo, khai hoang, canh tác trên thửa đất trên hơn 30 năm nay, thực tế hiện tại ông vẫn thực hiện canh tác trồng cây hoa màu nên đủ điều kiện được quyền đăng ký cấp Giấy chứng nhận để xác lập quyền sở hữu theo quy định.

Đối với bà Nguyễn Thị D: Bà và chồng bà là ông Đoàn Thanh S là người có quyền sử dụng đất hợp pháp, được quyền công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 927, tờ bản đồ số 13, xã B. Gia đình bà đã sinh sống, cải tạo và khai hoang, canh tác trên thửa đất trên hơn 30 năm nay, không có ai tranh chấp, thực tế hiện tại gia đình bà vẫn thực hiện canh tác trồng cây hoa màu và được quyền đăng ký cấp Giấy chứng nhận để xác lập quyền sở hữu theo quy định.

Tuy nhiên, hành vi của Chủ tịch và UBND xã B là không thực hiện kiểm tra, niêm yết, tìm mọi lý do trả lời không đúng theo nguồn gốc thực tế thửa đất ông, bà trình bày trên và không ký xác nhận vào hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông, bà là vi phạm quy định pháp luật về đất đai.

Về nguồn gốc đất: Cha ông, bà là ông Đoàn B (Đoàn Văn B) (hiện đã mất). Vào năm 1986 cha ông bà đã thực hiện khai hoang, cải tạo các thửa đất để phục vụ sản xuất nông nghiệp và nay là thửa đất 955, tờ bản đồ số 13; thửa đất 927, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại địa chỉ xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Đến năm 1996 thì ông Đoàn Văn B tặng cho ông Đoàn Quang T là thửa đất 955, tờ bản đồ số 13, xã B để ông trực tiếp quản lý, canh tác và sản xuất; tặng cho bà Nguyễn Thị D và chồng bà là ông Đoàn Thanh S là thửa đất 927, tờ bản đồ số 13, xã B để trực tiếp quản lý, canh tác và sản xuất.

Như vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013, Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành; ông, bà đã đáp ứng đủ điều kiện để được làm thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 955, 927 cùng tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã B, Bình Sơn Q.

Tuy vậy, kể từ thời điểm năm 2018 đến nay, ông, bà đã nhiều lần liên hệ nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đối với các thửa đất trên nhưng đều bị trả hồ sơ và từ chối cấp giấy chứng nhận không có cơ sở, lý do là Chủ tịch UBND xã B qua nhiều thời kỳ liên tục kéo dài thời gian kiểm tra, niêm yết và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, bà. Đây là những hành vi vi phạm nghiêm trọng các quy định pháp luật về thủ tục hành chính, pháp luật về đất đai.

Quá trình ông, bà nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Chủ tịch UBND xã B và UBND xã B đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục về đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể: Ngày 16/12/2021, Văn phòng Đ Chi nhánh huyện B có Công văn số 1550/CNHBS gửi đến UBND xã B

về việc đề nghị xác định nguồn gốc đất, niêm yết và bàn giao hồ sơ cho Văn phòng Đ, Chi nhánh huyện B. Ngày 10/01/2022, Văn phòng Đ, Chi nhánh huyện B tiếp tục có Công văn số 31/CNHBBS gửi đến UBND xã B về việc xác định nguồn gốc đất và niêm yết hồ sơ đối với thửa đất trên. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn nhưng UBND xã B chưa chuyển hồ sơ cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh huyện B để lập thủ tục trình cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho công dân theo quy định.

Qua nội dung này cho thấy, UBND xã B vi phạm quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT của Bộ T4, cùng các văn bản hướng dẫn thi hành. UBND xã không thực hiện kiểm tra, niêm yết và công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất.

Và dù đã được UBND huyện B gửi hồ sơ để kiểm tra, niêm yết nhưng UBND xã B vẫn không thực hiện thủ tục công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất.

Hành vi trên của UBND xã B đã vi phạm nghiêm trọng các quy định pháp luật về đất đai được quy định tại Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT của Bộ T4.

Vì những lý do như trên,

Đến ngày 10/11/2022, bà Nguyễn Thị D đã có đơn khiếu nại, thì ngày 14/11/2022, UBND xã B có thư mời bà và chồng bà là ông Đoàn Thanh S ra để vận động rút lại đơn khiếu nại để UBND xã tiếp tục làm các thủ tục trình cấp có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận cho gia đình ông.

Ngày 15/11/2022, ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D tiếp tục nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đoàn Thanh S đại diện đi nộp, đã được Bộ phận một cửa xã B tiếp nhận và gửi phiếu hẹn trả kết quả. Ngày 16/11/2022, UBND xã B có thông báo số 139/TB-UBND và danh sách niêm yết công khai số 08/DSCK-UBND ngày 16/11/2022, được Chủ tịch UBND xã ký đóng dấu.

Trong thời gian niêm yết công khai, thì vào ngày 22/11/2022, bà Phan Thị T1 công dân xóm L, thôn X có đơn yêu cầu đòi lại đất cha mẹ liên quan đến 2 thửa đất mà gia đình ông, bà đang đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, tại Khoản 5, Điều 26, Luật Đất đai 2013 có quy định: *Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất để giải quyết tình trạng khiếu kiện về các tranh chấp quyền sử dụng mang tính lịch sử. Các khiếu kiện đòi lại đất có ảnh hưởng không tốt đến nhiều mặt của đời sống kinh tế – xã hội. Vì vậy, việc quy định như vậy là hết sức cần thiết để giải quyết triệt để các khiếu kiện lâu nay.*

UBND xã đã mời bà T1 lên làm việc, theo kết quả buổi làm việc thì UBND xã đã không thống nhất việc bà T1 đòi lại đất ông bà. Nhưng đến ngày 23/12/2022 thì ông, bà có nhận công văn phúc đáp số 359/UBND và 360/UBND của UBND xã B về việc không xác nhận đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận cho gia đình ông, vì lý do *“thửa đất đang có tranh chấp”*.

Lúc đó, ông, bà hiểu rằng, ông, bà không được cấp giấy chứng nhận vì thửa đất đang có tranh chấp của bà T1, nhưng sau đó, UBND xã lại lấy lý do đất thuộc đất công để không cấp GCNQSD đất.

Như vậy, căn cứ thông báo số 139/TB-UBND ngày 16/11/2022, danh sách niêm yết công khai số 08/DSCK - UBND ngày 16/11/2022, được Chủ tịch UBND xã ký xác nhận và biên bản làm việc của UBND xã B ngày 16/11/2022 với gia đình ông bà, thì thửa đất trên của gia đình ông, bà đủ điều kiện để trình cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*Vì đã thực hiện niêm yết công khai - Tạm ngưng thủ tục để xác minh vì có đơn có nội dung tranh chấp quyền sử dụng đất của bà T1 – sau khi xác minh thì bà T1 không còn tranh chấp nữa*), nhưng không hiểu tại sao Chủ tịch UBND xã B lại không thực hiện đúng quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho ông, bà.

Căn cứ các quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các giấy tờ, biên bản liên quan, P lấy ý kiến dân cư của các vị cao niên sống ở địa phương,... tài sản có trên đất ông đã canh tác mấy chục năm qua thì 02 thửa đất trên của gia đình ông, bà đủ điều kiện để trình các cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng không hiểu tại sao Chủ tịch UBND xã B lại thay đổi liên tục nội dung về nguồn gốc để từ chối việc đề nghị cấp Giấy chứng nhận cho gia đình ông, bà.

Ngày 26/12/2022, bà Nguyễn Thị D có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã B. Tuy nhiên, qua buổi đối thoại giữa Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND xã và các ban ngành Hội đoàn thể và gia đình vào ngày 09/02/2023, thành phần tham dự buổi đối thoại không có ý kiến gì vì không rõ nguồn gốc sử dụng thửa đất 955, 927, cùng tờ bản đồ số 13, xã B, họ cho rằng tuổi đời còn nhỏ nên không rõ nguồn gốc của thửa đất trên.

Căn cứ vào biên bản các cuộc họp năm 2011, thể hiện rằng, vào năm 2011 khi thực hiện mở rộng đường dẫn nâng cấp Cầu C Quốc lộ A. UBND xã B phối hợp cùng các Phòng ban chuyên môn của huyện B tổ chức nhiều cuộc họp, trưng cầu ý kiến của tất cả các tổ chức, cá nhân, các ban ngành, hội đoàn thể và nhân dân, trong đó có các vị cao niên những người biết rõ nguồn gốc thửa đất trên là do gia đình ông, bà khai hoang sử dụng ổn định liên tục từ xưa đến nay (hơn 30 năm). Có biên bản cuộc họp, có quyết định của UBND xã B và UBND huyện B xác nhận về nguồn gốc thửa đất nói trên, đúng thực tế mà gia đình ông sử dụng. Sau đó, thực tế là cơ quan chức năng đã thực hiện việc bồi thường cho cha ông, bà – ông Đoàn B theo quy định của pháp luật.

Gia đình ông, bà đã có quá trình canh tác, cải tạo đất lâu dài đến gần 30 năm. Cụ thể, trước đây, thửa đất là vùng trũng, năm 2008, gia đình ông, bà đã san lấp bằng để trồng vườn keo giống để thu hoạch hàng năm. Bên cạnh đó tại thời điểm năm 2011 và 2017, để thửa đất số 955, 927, cùng tờ bản đồ số 13, xã B phù hợp với hiện trạng chung sau khi mở đường dẫn nâng lên bằng mặt đường Q, ông, bà đã thuê xe đổ đất để nâng thửa đất số 955, 927 cùng tờ bản đồ số 13, xã B lên bằng mặt đường Q với độ cao 4 mét, số lượng đất đổ là 170 xe với số tiền tương ứng mỗi xe là 700.000 đồng (*bằng chữ: Bảy trăm nghìn đồng*). Như vậy, số tiền để ông và gia đình dùng cho việc nâng nền là $170 \times 700.000\text{đ} = 119.000.000\text{ đồng}$ (*Bằng chữ: Một trăm mười chín triệu đồng chẵn*), vào thời điểm đổ đất nâng nền, thửa đất số 955, 927 cùng tờ bản đồ số 13, xã B chỉ cách UBND xã B 700m; tuy nhiên lại không bị bất kì cản trở hay lập biên bản nào từ UBND xã B.

Hơn nữa hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận của gia đình ông, bà đã được cán bộ chuyên môn xã B hướng dẫn khai đúng thực tế nguồn gốc sử dụng đã được xác định của cấp có thẩm quyền. Hiện nay, thửa đất nêu trên không trong diện quy hoạch, không tranh chấp. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND xã B đã giải quyết khiếu nại lần đầu theo đơn của bà Nguyễn Thị D tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 23/QĐ-UBND ngày 17/02/2023, theo đó không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D là hoàn toàn trái pháp luật. Và Chủ tịch UBND huyện B đã không làm rõ mà giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông, bà, tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1167/QĐ-UBND ngày 28/7/2023, quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 31/7/2023, vẫn quyết định công nhận và giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại trước đó của Chủ tịch UBND xã B số 23/QĐ-UBND ngày 17/2/2023, từ chối yêu cầu thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông bà là không đúng quy định của pháp luật.

Từ những lý do trên, ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

- Hủy Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Quang T.
- Hủy Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Diệu .
- Hủy Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch UBND xã B về việc giải quyết nội dung khiếu nại lần đầu của ông Đoàn Quang T và bà Nguyễn Thị Diệu .

****Tại Văn bản số 3394/UBND – NC ngày 10/10/2024; số 3395/UBND – NC ngày 10/10/2024; Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện B trình bày:***

Ngày 26/12/2022, ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D gửi đơn khiếu nại đến UBND xã B có nội dung kiến nghị giải quyết việc ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số

955, 927, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, UBND xã B không xác nhận để cho ông, bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại của ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị Diệu căn C quy định của pháp luật về khiếu nại, Chủ tịch UBND xã B nhận thấy đơn khiếu nại của ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị Diệu Đ điều kiện thụ lý. Ngày 05/01/2023, Chủ tịch UBND xã B thụ lý và giao nhiệm vụ cho Tổ công tác để thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật về khiếu nại.

Căn cứ kết quả xác minh của Tổ công tác (tại Báo cáo số 01 BC-TXM ngày 07/02/2023) và kết quả đối thoại tại Biên bản ngày 09/02/2023, Chủ tịch UBND xã B ban hành Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D (lần đầu), có nội dung: *“Điều 1.1. Không công nhận nội dung khiếu nại của ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D, thôn X, xã B tại đơn ghi ngày 26/12/2022 về việc UBND xã B không đề nghị cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Đoàn Quang T tại vị trí thửa đất số 955, 927, tờ bản đồ đo mới số 13, loại đất trồng cây hàng năm khác (BHK), xã B”.*

Sau khi không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã B tại Quyết định nêu trên, ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện:

Đối với đơn khiếu nại lần hai của ông Đoàn Quang T đã được thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai theo quy định, giao Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại theo quy định của pháp luật; theo đó, Phòng T5 huyện tiến hành thẩm tra, xác minh và đề xuất tại Báo cáo số 141/BC-TNMT ngày 15/6/2023 và Báo cáo số 171/BC-TNMT ngày 25/7/2023 và được UBND huyện ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 (hai) tại Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 28/7/2023.

Đối với đơn khiếu nại lần hai của bà Nguyễn Thị D đã được Chủ tịch UBND huyện B thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai theo quy định (*tại Thông báo số 109/TB-UBND ngày 29/3/2023*), giao Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại theo quy định của pháp luật (*tại Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 29/3/2023*); theo đó, Phòng T5 tiến hành thẩm tra, xác minh và đề xuất tại Báo cáo số 142/BC-TNMT ngày 15/6/2023 và Báo cáo số 171/BC-TNMT ngày 25/7/2023 và được UBND huyện ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 (hai) tại Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 31/7/2023.

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng:

Nguyên trước năm 1977 là đất cá thể của bà Nguyễn Thị T2, ở xóm L, thôn X, xã B quản lý sử dụng. Đến năm 1977 thực hiện chủ trương của Đảng về Hợp tác hóa nông nghiệp ở M, Hợp tác xã (HTX) nông nghiệp xã B được thành lập, bà

Nguyễn Thị T2 tự nguyện đưa toàn bộ ruộng đất vào HTX nông nghiệp xã B (trong đó có thửa đất nông nghiệp số 955, 927). Từ đó HTX nông nghiệp xã B trực tiếp quản lý, tập thể xã viên sản xuất, về sau được định mức và khoán công điểm cho xã viên. Đến năm 1981 thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW ngày 13/01/1981 về cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong HTX nông nghiệp. HTX nông nghiệp xã B tiếp tục giao khoán sản phẩm đến người lao động.

Việc sử dụng đất nông nghiệp, trên địa bàn xã B trước năm 1996 là do HTX nông nghiệp xã B quản lý, sử dụng. Đến năm 1996, UBND xã B thực hiện Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Riêng thửa đất số 955, diện tích 694m²; thửa đất số 927, diện tích 543m², cùng tờ bản đồ số 13, thôn X, xã B, loại đất trồng cây hàng năm khác (BHK) do UBND xã B quản lý và không đưa vào Phương án giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân.

Sau khi thực hiện cân đối đất nông nghiệp để giao cho hộ gia đình, cá nhân theo Nghị định 64/NĐ-CP xong. Đến năm 1997, ông Đoàn B có thuê đất công ích của UBND xã tại vị trí thửa đất Cầu Cháy thuộc thửa đất số 997, xứ đồng có tục hồ Cầu C, Quốc lộ A, diện tích 444m², tờ bản đồ số 7, bản đồ 299/TTg xã B (theo bản đồ đo 2003 thuộc thửa đất số 955, tờ bản đồ số 13). Cũng trong năm 1997, ông Đoàn B có thuê đất công ích của UBND xã tại vị trí thửa đất Cầu Cháy thuộc thửa đất số 996, xứ đồng có tục hồ Cầu C, Quốc lộ A, diện tích 560m², tờ bản đồ số 7, bản đồ 299/TTg xã B (theo bản đồ đo 2003 thuộc thửa đất số 927, tờ bản đồ số 13). Thời gian ông Đoàn B thuê đất công ích của UBND xã B từ năm 1997 cho đến năm 2005 có nộp tiền thuê đất công ích 5% cho UBND xã B.

Đến năm 2006 thì UBND xã B có chủ trương đưa thửa đất trên vào quy hoạch khu dân cư xen kẽ để cấp đất cho các hộ dân có nhu cầu về nhà ở tại thời điểm lúc đó. Tuy nhiên, UBND xã chưa triển khai thực hiện được. Đến năm 2009, UBND xã tiếp tục đưa thửa đất số 955, thửa đất số 927, cùng tờ bản đồ số 13 đất do UBND xã quản lý để lập quy hoạch khu dân cư nông thôn để tạo quỹ đất giao cho hộ gia đình, cá nhân chưa có đất ở, nhà ở, cần có nhu cầu sử dụng đất để xây dựng nhà ở. Tuy nhiên, tại thời điểm này không thực hiện được quy hoạch khu dân cư. Vì, nguyên nhân do Bộ G2 không chấp nhận cho đầu nối trực tiếp vào Quốc lộ A nên không thực hiện được.

Đến năm 2011 thực hiện dự án Đầu tư bổ sung 20 cầu yếu vào dự án tín dụng ngành GTVT để cải tạo mạng lưới đường Quốc gia (Bước 2 - Giai đoạn I). Tại thời điểm này UBND xã B đã ký trong Bảng xác nhận diện tích, loại đất, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất cho 22 hộ bị ảnh hưởng, đang sử dụng tại 29 thửa đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp ngày 27/4/2011. Trong 29 thửa đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp UBND xã đã xác nhận có 02 thửa đất số 927, diện tích 563m², diện tích bị ảnh hưởng 117m², loại đất BHK, chủ sử dụng đất là ông

Đoàn Thanh S, có nguồn gốc sử dụng đất khai hoang, thời điểm sử dụng đất năm 1996 và thửa đất số 955, diện tích 407m², diện tích bị ảnh hưởng 63m², loại đất BHK, chủ sử dụng đất là ông Đoàn B, nguồn gốc sử dụng đất khai hoang, thời điểm sử dụng đất năm 1996. Tuy nhiên, ông Nguyễn Hà T3, nguyên Chủ tịch UBND xã tại thời điểm năm 2011 (người thay mặt UBND xã B ký xác nhận nguồn gốc đất vào năm 2011) cho biết “việc ký xác nhận nguồn gốc đất tại thửa đất số 955, tờ bản đồ số 13, xã B là chưa đúng và ông có bàn giao lại cho nhiệm kỳ sau để xử lý”.

Trong quá trình xác minh nội dung khiếu nại, ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa đất 955, 927, tờ bản đồ số 13, xã B có nguồn gốc do ông Đoàn B khai hoang trước năm 1986. Đến năm 1996, để lại cho ông Đoàn Quang T và bà Nguyễn Thị Diệu .

UBND xã B khẳng định đối với thửa đất số 955, 927, cùng tờ bản đồ số 13, xã B là đất do UBND xã B quản lý, trước đây có cho ông Đoàn B thuê và đã có giấy tờ đóng thuế cho UBND xã từ năm 1997 đến 2005.

Về hồ sơ địa chính qua các thời kỳ:

Đối với thửa đất 955:

Theo Bản đồ 299/TTg lập năm 1989 thuộc thửa đất số 997, diện tích 444m², loại đất 2 lúa, tờ bản đồ số 07, xã B, theo sổ đăng ký ruộng đất thể hiện tên chủ sử dụng đất HTXNN B.

Theo Bản đồ 299/TTg chỉnh lý năm 1999 thuộc thửa đất số 997, diện tích 444m², loại đất M, tờ bản đồ số 07, xã B, theo sổ mục kê tại trang số 67 chủ sử dụng đất UBND xã.

Theo Bản đồ năm 2003, thuộc thửa đất số 955, diện tích 694m², loại đất màu (ĐM), tờ bản đồ số 13, xã B do UBND xã quản lý trong sổ mục kê lập năm 2003.

Đối với thửa đất 927:

Theo Bản đồ 299/TTg lập năm 1989 thuộc thửa đất số 996, diện tích 560m², loại đất 2 lúa, tờ bản đồ số 07, xã B, theo sổ đăng ký ruộng đất thể hiện tên chủ sử dụng đất HTXNN B.

Theo Bản đồ 299/TTg chỉnh lý năm 1999 thuộc thửa đất số 996, diện tích 560m², loại đất M, tờ bản đồ số 07, xã B, theo sổ mục kê tại trang số 67 chủ sử dụng đất UBND xã.

Theo Bản đồ năm 2003, thuộc thửa đất số 927, diện tích 543 m², loại đất màu (ĐM), tờ bản đồ số 13, xã B do UBND xã quản lý trong sổ mục kê lập năm 2003.

Kết quả kiểm tra hiện trường:

Đối với thửa đất số 955, tờ bản đồ số 13, xã B tại thời điểm kiểm tra ngày 05/6/2023 trên đất hiện nay ông Đoàn Quang T có trồng cây chanh và một số cây cảnh.

Đối với thửa đất số 927, tờ bản đồ số 13, xã B tại thời điểm kiểm tra ngày 05/6/2023 trên đất hiện nay ông Đoàn Thanh S có trồng cây chanh và một số cây cảnh.

Như vậy, qua kiểm tra hồ sơ địa chính và kết quả xác minh cho thấy:

Thửa đất 955, 927, cùng tờ bản đồ số 13, xã B là đất do UBND xã B quản lý (thuộc quỹ đất công ích hay còn gọi là đất 5%) và căn cứ khoản 2 Điều 19 Luật Đất đai năm 2013 quy định các trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất “...2. *Người đang quản lý, sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn...*” thì thuộc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nên UBND xã B không xác nhận để cho ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khi công dân không đồng ý, phát sinh khiếu nại thì Chủ tịch UBND xã B ban hành Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D (lần đầu) để tiếp tục xác định thửa đất 955, 927, cùng tờ bản đồ số 13, xã B là đất do UBND xã B quản lý là đúng thực tế, phù hợp với hồ sơ địa chính và quy định của pháp luật.

Do đó, nội dung khiếu nại của ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D là không đúng, không có cơ sở xem xét nên UBND huyện đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 (hai) tại Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 (hai) tại Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 31/7/2023.

****Tại Văn bản số 265/UBND ngày 13/8/2024; người bị kiện Chủ tịch UBND xã B trình bày:***

Việc Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 đối với ông Đoàn Quang T và Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 đối với bà Nguyễn Thị Diệu G nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND xã B số 23/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 đối với ông Đoàn Quang T và bà Nguyễn Thị D là đúng pháp luật. Tuy nhiên, sau khi rà soát lại toàn bộ trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu, Chủ tịch UBND xã B nhận thấy việc tiếp nhận đơn khiếu nại và giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Đoàn Quang T và bà Nguyễn Thị D là có thiếu sót. Do đó, về yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Quang T và bà Nguyễn Thị D đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

****Tại Văn bản số 3045/CNHBS ngày 13/11/2024, số 3280/CNHBS ngày 11/12/2024, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q – Chi nhánh huyện B trình bày:***

- Quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSD đất lần đầu của gia đình ông Đoàn Thanh S:

Tiếp nhận hồ sơ:

Ngày 08/10/2021, ông Đoàn Thanh S nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSD đất lần đầu đối với thửa đất số tại thửa đất số 927, tờ bản đồ số 13, loại đất: Đất trồng cây hàng năm tại thôn X, xã B, huyện B.

Thành phần hồ sơ: Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Mẫu số 04a/ĐK) đối với thửa đất số 927, nguồn gốc sử dụng đất kê khai: “Do cha mẹ là ông Đoàn B và bà Phạm Thị N khai hoang từ tháng 8/1986, sử dụng vào mục đích trồng cây hàng năm ổn định mãi cho đến tháng 6/1996 thì để lại cho con trai là ông Đoàn Thanh S tiếp tục sử dụng vào mục đích trồng cây ổn định từ đó cho đến nay không có ai tranh chấp”; mục đích sử dụng: Trồng cây hàng năm.

Giải quyết hồ sơ:

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSD đất lần đầu của ông Đoàn Thanh S. Ngày 15/10/2021, Văn phòng Đ, Chi nhánh huyện B đã chuyển hồ sơ đến UBND xã B theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai.

Ngày 16/12/2021, Văn phòng Đ, Chi nhánh huyện B có Công văn số 1550/CNHBS, về việc đề nghị xác định nguồn gốc và niêm yết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 10/01/2022, Văn phòng Đ, Chi nhánh huyện B có Công văn số 31/CNHBS, về việc đề nghị xác định nguồn gốc và niêm yết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lần đầu của ông Đoàn Thanh S chưa được UBND xã B thực hiện niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Chính vì vậy, Văn phòng Đ, Chi nhánh huyện B không có cơ sở để xử lý các bước tiếp theo đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSD đất lần đầu đối với thửa đất 927, tờ bản đồ số 13, tại thôn X, xã B, huyện B cho ông Đoàn Thanh S.

Do đó, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh huyện B có Thông báo số 161/TB-CNHBS ngày 17/01/2022 về việc trả hồ sơ không giải quyết cho ông Đoàn Thanh S là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Quá trình tiếp nhận hồ sơ của ông Đoàn Quang T

Tiếp nhận hồ sơ:

Ngày 27/12/2021, ông Đoàn Thanh S (người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Quang T) nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSD đất lần đầu đối với thửa đất số tại thửa đất số 955, tờ bản đồ số 13, loại đất: Đất trồng cây hàng năm tại thôn X, xã B, huyện B.

Thành phần hồ sơ: Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Mẫu số 04a/ĐK) đối với thửa đất số 955, Giấy ủy quyền.

Giải quyết hồ sơ:

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSD đất lần đầu của ông Đoàn Thanh S. Ngày 04/3/2022, Văn phòng Đ, Chi nhánh huyện B đã chuyển hồ sơ đến UBND xã B theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai.

Ngày 21/3/2022, Văn phòng Đ, Chi nhánh huyện B có Công văn số 436/CNHBS, về việc đề nghị xác định nguồn gốc và niêm yết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 31/3/2022, Văn phòng Đ, Chi nhánh huyện B có Công văn số 511/CNHBS, về việc đề nghị xác định nguồn gốc và niêm yết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lần đầu của ông Đoàn Thanh S chưa được UBND xã B thực hiện niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Chính vì vậy, Văn phòng Đ, Chi nhánh huyện B không có cơ sở để xử lý các bước tiếp theo đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSD đất lần đầu đối với thửa đất 955, tờ bản đồ số 13, tại thôn X, xã B, huyện B cho ông Đoàn Thanh S.

Do đó, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh huyện B có Thông báo số 1129/TB-CNHBS ngày 13/4/2022 về việc trả hồ sơ không giải quyết cho ông Đoàn Quang T (đại diện là ông Đoàn Thanh S) là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã B trình bày:** Thống nhất như ý kiến của Chủ tịch UBND xã B tại Công văn số 265/UBND ngày 13/8/2024.

***Những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị N, ông Đoàn Ngọc D1, bà Đoàn Thị Thu H, ông Đoàn Thanh S trình bày:** Thống nhất như ý kiến của ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D khởi kiện.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:** Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Trên cơ sở tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, diễn biến công khai tại phiên tòa; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị Diệu .

Về án phí giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện B; người đại diện theo pháp luật của người bị kiện Chủ tịch UBND xã B; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã B, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q – Chi nhánh huyện B, bà Phạm Thị N, bà Đoàn Thị Thu H, ông Đoàn Ngọc D1 vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157, 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án trên.

[1.2] Ngày 29/01/2024, bà Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện, cùng các đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu: (1) Hủy Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Diệu . (2) Hủy Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch UBND xã B về việc giải quyết nội dung khiếu nại lần đầu của ông Đoàn Quang T và bà Nguyễn Thị Diệu . Ngày 16/5/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D tại thông báo thụ lý số 43/2024/TLST-HC.

Ngày 29/01/2024, Ông Đoàn Quang T có đơn khởi kiện, cùng các đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu: (1) Hủy Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Quang T. (2) Hủy Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch UBND xã B về việc giải quyết nội dung khiếu nại lần đầu của ông Đoàn Quang T và bà Nguyễn Thị Diệu . Ngày 16/5/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Quang Trung D2 tại thông báo thụ lý số 42/2024/TLST-HC.

Quá trình giải quyết vụ án, xét thấy, các yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý riêng biệt nhưng đều khởi kiện quyết định hành chính liên quan đến cùng người bị kiện là Chủ tịch UBND xã B, Chủ tịch UBND huyện B, ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D cùng

khởi kiện đối với Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch UBND xã B về việc giải quyết nội dung khiếu nại lần đầu của ông bà. Do đó, để đảm bảo việc xét xử được nhanh chóng, hiệu quả, triệt để nên ngày 18/4/2025, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định nhập hai vụ án hành chính thành một vụ án hành chính tại Quyết định số 10/2025/QĐ-CA là đúng quy định tại Điều 35 Luật Tổ tụng hành chính..

[1.3] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện cùng ngày 29/01/2024, các đơn khởi kiện bổ sung, ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch UBND xã B về việc giải quyết nội dung khiếu nại lần đầu của ông Đoàn Quang T và bà Nguyễn Thị Diệu .
- Hủy Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Quang T.
- Hủy Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Diệu .

Xét thấy, quyết định hành chính nêu trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, còn thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật Tổ tụng Hành chính.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện hủy quyết định hành chính của Chủ tịch UBND xã B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ngày 08/10/2021, ông Đoàn Thanh S nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSD đất lần đầu đối với thửa đất số tại thửa đất số **927**, cùng tờ bản đồ số 13, loại đất: Đất trồng cây hàng năm tại thôn X, xã B, huyện B tại bộ phận một cửa huyện B (Bút lục 315-TL43).

Ngày 15/10/2021, Văn phòng Đ, Chi nhánh huyện B đã chuyển hồ sơ đến UBND xã B theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai (Bút lục 311-TL43).

Ngày 16/12/2021, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện B có Công văn số 1550/CNHBS, về việc đề nghị UBND xã B xác định nguồn gốc và niêm yết hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bút lục 310-TL43).

Ngày 10/01/2022, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện B tiếp tục ban hành Công văn số 31/CNHBS, về việc đề nghị UBND xã B xác định nguồn gốc và niêm yết hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bút lục 309-TL43).

Do đó, ngày 17/01/2022, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện B có Thông báo số 161/TB-CNHBS về việc trả hồ sơ không giải quyết cho ông Đoàn Thanh S (Bút lục 308-TL43).

[2.2] Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đoàn Quang T: Ngày 27/12/2021, ông Đoàn Thanh S (người đại diện theo ủy quyền của ông T) nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSD đất lần đầu đối với thửa đất số tại thửa đất số **955**, tờ bản đồ số 13, loại đất: Đất trồng cây hàng năm tại thôn X, xã B, huyện B tại bộ phận một cửa huyện B (Bút lục 328-TL42).

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSD đất lần đầu của ông Đoàn Thanh S. Ngày 04/3/2022, Văn phòng Đ, Chi nhánh huyện B đã chuyển hồ sơ đến UBND xã B để thực hiện theo thẩm quyền (Bút lục 317-TL42).

Ngày 21/3/2022, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện B ban hành Công văn số 436/CNHBS, về việc UBND xã B đề nghị xác định nguồn gốc và niêm yết hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Quang T. Ngày 31/3/2022, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện B tiếp tục ban hành Công văn số 511/CNHBS, về việc đề nghị UBND xã B xác định nguồn gốc và niêm yết hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Quang T. Tuy nhiên, UBND xã B không thực hiện đối với hai nội dung nêu trên (bút lục 318, 319-TL42).

Do đó, ngày 13/4/2022, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện B ban hành Thông báo số 1129/TB-CNHBS trả hồ sơ không giải quyết cho ông Đoàn Quang T (đại diện là ông Đoàn Thanh S) (Bút lục 316-TL42).

[2.3] Sau khi Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện B trả hồ sơ không giải quyết cho ông Đoàn Thanh S tại hai thửa đất 927 và 955, cùng tờ bản đồ số 13, xã B; ngày 10/11/2022, bà Nguyễn Thị D có đơn khiếu nại (đơn chỉ có bà Nguyễn Thị Diệu G1 và ký đơn) gửi Chủ tịch UBND xã B (Bút lục 339-340-TL42).

Ngày 16/11/2022, UBND xã B tiến hành làm việc với ông Đoàn Thanh S, bà Nguyễn Thị Diệu đối V đơn khiếu nại ngày 10/11/2022, tại buổi làm việc, ông Đoàn Thanh S có ý kiến: *“Tôi thống nhất rút lại đơn khiếu nại, đơn ghi ngày 10/11/2022 do vợ tôi là bà Nguyễn Thị Diệu K đơn. Tôi đề nghị UBND xã thực hiện niêm yết công khai và hoàn thiện các thủ tục đề nghị cấp GCNQSD đất cho vợ chồng tôi tại thửa đất 927, tờ bản đồ số 13 và ông Đoàn Quang T tại thửa đất 955, tờ bản đồ số 13...”* (Bút lục 337-338-TL42). Tuy nhiên, đến ngày 21/12/2022, UBND xã B ban hành các Công văn số 359/UBND, số 360/UBND phúc đáp về hồ sơ cấp GCNQSD đất thửa đất 927, 955, cùng tờ bản đồ số 13, xã B cho ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D, theo đó, không đồng ý xác nhận nguồn gốc đối với các thửa đất 927, 955, cùng tờ bản đồ số 13, xã B cho ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị Diệu .

Không đồng ý với hành vi hành chính về việc không xác nhận nguồn gốc đất của các thửa đất 927, 955, cùng tờ bản đồ số 13, xã B; ngày 26/12/2022, bà Nguyễn Thị D có đơn khiếu nại (đơn do bà viết và ký) gửi Chủ tịch UBND xã B (Bút lục 246-TL43).

Sau khi kiểm tra đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị D, ngày 05/01/2023, Chủ tịch UBND xã B ban hành Thông báo số 09/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Nguyễn Thị D và ông Đoàn Quang T; đến ngày 07/02/2023, Chủ tịch UBND xã B ban hành Quyết định số 23/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Nguyễn Thị D và ông Đoàn Quang T (bút lục 242, 219-224-TL42).

[2.4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Khiếu nại: “1. Khiếu nại là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức theo thủ tục do Luật này quy định, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình”.

Điểm a Khoản 1 Điều 12 Luật Khiếu nại quy định: “1. Người khiếu nại có các quyền sau đây:

a) Tự mình khiếu nại.

Trường hợp người khiếu nại là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự thì người đại diện theo pháp luật của họ thực hiện việc khiếu nại;

Trường hợp người khiếu nại ốm đau, già yếu, có nhược điểm về thể chất hoặc vì lý do khách quan khác mà không thể tự mình khiếu nại thì được ủy quyền cho cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con đã thành niên hoặc người khác có năng lực hành vi dân sự đầy đủ để thực hiện việc khiếu nại;”.

Nhận thấy, do không đồng ý với nội dung không xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã B tại các thửa đất 927, 955, cùng tờ bản đồ số 13, xã B nên ngày 26/12/2022, bà Nguyễn Thị Diệu G1 “đơn khiếu nại” gửi Chủ tịch UBND xã B. Tuy nhiên, sau khi nhận đơn khiếu nại ngày 26/12/2022, mặc dù nội dung đơn khiếu nại đề cập đến việc UBND xã không xác nhận nguồn gốc hai thửa đất 927 và 955, đơn chỉ có bà Nguyễn Thị Diệu V1 và ký nhưng tại thời điểm nhận và xử lý đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị D đều khẳng định thửa đất 955 là do cha chồng bà cho em trai là ông Đoàn Quang T bà không có liên quan gì nhưng Chủ tịch UBND xã B không tiến hành mời người khiếu nại đến để làm rõ nội dung khiếu nại, không xác định ông Đoàn Quang T có khiếu nại theo quy định hay không, có ủy quyền cho bà D thực hiện khiếu nại thay ông hay không mà đến ngày 05/01/2023 ban hành Thông báo số 09/TB-UBND thụ lý khiếu nại đối với bà

Nguyễn Thị D và ông Đoàn Quang T là vi phạm trình tự thụ lý khiếu nại theo Điều 27 Luật Khiếu nại.

[2.5] Mặt khác, quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa, người bị kiện Chủ tịch UBND xã B cũng thừa nhận có tiếp nhận đơn khiếu nại ngày 26/12/2022 của bà Nguyễn Thị D, đơn chỉ do bà D viết và ký, UBND xã B đã không tiến hành rà soát, kiểm tra ông Đoàn Quang T có khiếu nại liên quan đến thửa đất 955 hay không. Do không kiểm tra nên việc Chủ tịch UBND xã B thụ lý đối với đơn khiếu nại ngày 26/12/2022 của bà Nguyễn Thị D là chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[2.6] Từ những quy định nêu trên, việc bà Nguyễn Thị D và ông Đoàn Quang T yêu cầu hủy Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của Chủ tịch UBND xã B là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện hủy các quyết định hành chính của Chủ tịch UBND huyện B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Như đã nhận định tại mục [2], việc Chủ tịch UBND xã B thụ lý và giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Đoàn Quang T và bà Nguyễn Thị D tại Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 là không đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhưng quá trình thụ lý, giải quyết khiếu nại lần hai, Chủ tịch UBND huyện B không làm rõ về trình tự, thủ tục thụ lý khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND xã B để khắc phục vi phạm nêu trên mà thụ lý, giải quyết và ban hành Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Quang T; Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Diệu G nguyên Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của Chủ tịch UBND xã B là cũng không đúng quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Quang T và bà Nguyễn Thị D là có cơ sở chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Đoàn Quang T đã nộp tạm ứng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng (Tòa án đã chi xong), bà Nguyễn Thị D đã nộp tạm ứng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng (Tòa án đã chi xong); tổng cộng là 3.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Quang T và bà Nguyễn Thị D được Tòa án chấp nhận, căn cứ quy định tại Điều 358 Luật Tố tụng hành chính thì Chủ tịch UBND xã B và Chủ tịch UBND huyện B phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Đoàn Quang T và bà Nguyễn Thị D số tiền 3.000.000 đồng; cụ thể mỗi cơ quan phải hoàn trả cho ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D 1.500.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đã ý kiến, người khởi kiện tự nguyện chịu

số tiền 3.000.000 đồng, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của người khởi kiện.

[7] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D nên Chủ tịch UBND xã B, Chủ tịch UBND huyện B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206, khoản 1 Điều 348, Điều 359 Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 17, Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 36, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại, Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D:

- Hủy Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch UBND xã B về việc giải quyết nội dung khiếu nại lần đầu của ông Đoàn Quang T và bà Nguyễn Thị Diệu .

- Hủy Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Quang T.

- Hủy Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Diệu .

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đoàn Quang T, bà Nguyễn Thị D về việc chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), đã chi trả xong.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Chủ tịch UBND xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi phải chịu án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

- Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả lại bà Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003020 ngày 08/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (do ông Đoàn Thanh S nộp thay).

- Ông Đoàn Quang T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả lại ông Đoàn Quang T số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003021 ngày 08/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lương Văn Hùng

